

TÍCH HỢP NỘI DUNG GIÁO DỤC THIÊN TAI CHO HỌC SINH THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ TRUNG HỌC CƠ SỞ

ĐÀO NGỌC BÍCH*, PHẠM THỊ BÌNH*

TÓM TẮT

Hiện nay, ở Việt Nam, việc giáo dục thiên tai (GDTT) cho học sinh (HS) trong nhà trường thực sự là vấn đề quan trọng và cấp thiết. Tuy nhiên, do tài liệu còn thiếu, thời gian dạy và học hạn hẹp, nên việc tích hợp kiến thức GDTT vào các môn học được xem là một trong những giải pháp cần thiết và khả thi. Với việc thiết kế các giáo án dạy học tích hợp môn Địa lí bậc trung học cơ sở (THCS) trong bài báo này, chúng tôi mong muốn đóng góp vào việc xây dựng hệ thống tư liệu phục vụ công tác GDTT trong nhà trường ở Việt Nam.

Từ khóa: thiên tai, giáo dục thiên tai, tích hợp giáo dục thiên tai, Địa lí, trung học cơ sở.

ABSTRACT

Integrating education on natural disasters into Geography syllabus in secondary schools

Today, in Vietnam, education on natural disasters for students is really an important and urgent issue. However, due to the lack of teaching materials and the limitation of teaching time allocation, integrated education is considered as one of the necessary and feasible solutions. By designing the integrated lesson plans for Geography in secondary schools and introducing them in this article, we aspire to contribute to building a resource system for education on natural disasters in Vietnam schools.

Keywords: natural disaster, education on natural disasters, integrated education on natural disasters, Geography, secondary school.

1. Đặt vấn đề

Câu chuyện về Tilly Smith, bé gái người Anh đã cứu nhiều người thoát chết trong thảm họa sóng thần trên bãi biển Maikhao, Phuket, Thái Lan ngày 26-12-2004, là bài học lớn đối với nền giáo dục Việt Nam. Ngay cả đối với Vương quốc Anh, tuy không phải là nước thường xuyên xảy ra động đất, sóng thần như Nhật Bản, nhưng HS của họ đã được trang bị kiến thức phòng tránh thiên tai từ bậc tiểu học. Trong khi ở Việt Nam, các loại thiên tai phổ biến như: bão, ngập lụt, lũ quét... vẫn thường xuyên xảy ra nhưng lại chưa được quan tâm giáo dục

đúng mức. Hơn nữa, cũng không ai dám khẳng định sẽ không bao giờ có động đất, sóng thần và núi lửa ở nước ta. [2]

Thời gian gần đây, tỉ lệ người dân, kể cả HS, bị thiệt mạng do thiên tai ở nước ta liên tục gia tăng; vì vậy, việc tích hợp nội dung GDTT trong nhà trường thực sự cần thiết và hữu ích đối với tất cả mọi người. Tuy nhiên, hiện tại, việc chuẩn bị, thiết kế tài liệu một cách hệ thống theo từng cấp học, lớp học đòi hỏi rất nhiều thời gian và công sức. Để góp phần vào việc xây dựng hệ thống tài liệu, tư liệu cho công tác GDTT trong trường phổ thông, bài viết phân loại và xác định

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

các bài học có thể tích hợp nội dung GDDT trong chương trình Địa lí THCS và thiết kế một số giáo án mẫu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dạy học tích hợp

Trong dạy học các bộ môn, tích hợp được hiểu là sự kết hợp nội dung từ các môn học, lĩnh vực học tập khác nhau (theo cách hiểu truyền thống từ trước tới nay) thành một “môn học” mới hoặc lồng ghép các nội dung cần thiết vào những nội dung vốn có của môn học. Ví dụ: lồng ghép nội dung giáo dục dân số, giáo dục môi trường, giáo dục an toàn giao thông trong các môn học Đạo đức, Tiếng Việt hay Tự nhiên và xã hội...

Tích hợp là một trong những quan điểm giáo dục đã trở thành xu thế trong việc xác định nội dung dạy học trong trường phổ thông và trong xây dựng chương trình môn học ở nhiều nước trên thế giới. Quan điểm tích hợp được xây dựng trên cơ sở những quan niệm tích cực về quá trình dạy và học. Dạy học tích hợp giúp HS phát triển tư duy liên ngành - một sản phẩm của tư duy hệ thống hiện đại xuất hiện từ cuối thế kỉ XXI.

Tích hợp là tư tưởng, nguyên tắc, quan điểm hiện đại trong giáo dục. Hiểu đúng và làm đúng quá trình tích hợp có thể đem lại những hiệu quả cụ thể đối với từng phân môn trong một thể thống nhất.

Tư tưởng tích hợp bắt nguồn từ cơ sở khoa học và đời sống. Bởi vì, cuộc sống là một bộ đại bách khoa toàn thư của tri thức, kinh nghiệm và phương pháp. Mọi tình huống xảy ra trong cuộc sống bao giờ cũng là những tình huống tích hợp. Vì vậy, để giải quyết một vấn

đề, một nhiệm vụ, chúng ta luôn cần vận dụng tổng hợp và phối hợp kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng liên ngành. Dạy học tích hợp trong nhà trường sẽ giúp HS học tập thông minh và vận dụng sáng tạo kiến thức, kĩ năng và phương pháp đã thu nhận được. Nhờ vậy, HS có thể phát huy khả năng giải quyết các tình huống đa dạng và mới mẻ trong cuộc sống hiện đại một cách linh động, hợp lí và hiệu quả.

Hiện nay, trên toàn thế giới mỗi ngày có khoảng 2000 cuốn sách được xuất bản [4]. Điều đó cho thấy không thể dạy và học rập khuôn theo chương trình và sách giáo khoa gồm các môn học riêng rẽ, biệt lập với nhau. Hơn nữa, ngày nay, kiến thức khoa học tăng nhanh, nhiều nội dung dạy học mới cần kịp thời cập nhật, như: giáo dục môi trường, giáo dục dân số, giáo dục pháp luật, phòng chống ma túy, giáo dục sức khỏe, an toàn giao thông... Tuy nhiên, khối lượng kiến thức cần đưa vào trường học lại tỉ lệ nghịch với quỹ thời gian dạy và học. Do vậy, dạy học tích hợp là một trong những giải pháp cần thiết và khả thi nhằm đảm bảo nhiệm vụ giáo dục đồng thời tránh được tình trạng quá tải.

Trong một số môn học, tư tưởng tích hợp được tiếp nhận với các mức độ thấp và khác nhau như: Lồng ghép - là đưa thêm nội dung cần học tương tự với môn học chính; tích hợp - là sự kết hợp tri thức của nhiều môn học tạo nên môn học mới.

Quan điểm tích hợp và phương pháp dạy học theo hướng tích hợp đã được giáo viên (GV) tiếp nhận nhưng ở mức độ thấp. Phần lớn GV lựa chọn mức độ tích hợp “liên môn hoặc tích hợp nội

môn”. Các bài dạy theo hướng tích hợp sẽ làm cho trường học gắn liền với thực tiễn cuộc sống, với sự phát triển của cộng đồng. Những nội dung dạy HS nhỏ tuổi theo các chủ đề “Gia đình”, “Nhà trường”, “Cuộc sống quanh ta”, “Trái đất và hành tinh”... làm cho HS có nhu cầu học tập để giải đáp được những thắc mắc, phục vụ cho cuộc sống của mình và cộng đồng. Học theo hướng tích hợp sẽ giúp cho các em quan tâm hơn đến con người và xã hội ở xung quanh mình, việc học gắn liền với cuộc sống đời thường là yếu tố để các em học tập. Những thắc mắc nảy sinh từ thực tế làm nảy sinh nhu cầu giải quyết vấn đề của các em. Chẳng hạn “Vì sao có sấm chớp?”, “Vì sao không được chặt cây phá rừng?”, “Vì sao...?”.

Thực tế, ở chương trình bậc tiểu học, do chưa có phân môn rõ ràng nên GV dễ dàng xây dựng giáo án dạy học theo hướng tích hợp. Điều đó giúp GV tiếp cận tốt nhất với sách giáo khoa mới, HS được chủ động tìm tòi, chiếm lĩnh kiến thức và rèn luyện kỹ năng. Ở các cấp học khác, muốn tiến hành có hiệu quả, cần chú trọng đến việc bồi dưỡng kiến thức về dạy học tích hợp cho GV. GV cần nghiên cứu chương trình, tài liệu xem phân môn mình dạy có thể mở rộng quan hệ tương tác với các khoa học khác như thế nào, mức độ tích hợp thể hiện ra sao... [4]

2.2. Tích hợp nội dung giáo dục thiên tai cho học sinh trung học cơ sở

Nhà trường là nơi trang bị một cách bài bản nhất những kiến thức về thiên tai, về khả năng của con người trong cuộc chiến phòng tránh thiên tai cho những chủ nhân tương lai của đất nước. Nhà

trường không chỉ là nơi hình thành kiến thức mà còn làm cho các thế hệ sau có những hành động cụ thể để phòng chống thiên tai. Việc GDDT trong nhà trường có hiệu quả nhất với HS bậc THCS, bởi vì ở lứa tuổi này, các em đã nhận biết đầy đủ về hiện tượng, nguyên nhân hình thành cũng như hậu quả do thiên tai để lại.

GV được xem là cầu nối hết sức quan trọng - người chuyển tải kiến thức của nhân loại đến cho HS một cách hệ thống, bài bản. Trong dạy học tích hợp, vai trò của GV lại càng quan trọng hơn vì nó đòi hỏi họ phải thực sự tâm huyết, nỗ lực bồi dưỡng cho HS kiến thức tích hợp (không phải là kiến thức của phân môn chính do mình phụ trách).

Đảm trách một môn học có nhiều nội dung liên quan đến thiên tai như Địa lí, thì vai trò của GV là rất lớn trong công tác GDDT cho HS. Chương trình Địa lí bậc THCS có rất nhiều cơ hội để tích hợp GDDT cho HS. Vì vậy, các GV Địa lí ở trường THCS cần giúp cho HS hiểu rằng bản thân các em phải được trang bị những kiến thức về thiên tai và phòng tránh thiên tai. Ví dụ, các em có thể nhận biết các dấu hiệu thiên tai sắp xảy ra để tự bảo vệ mình và (nếu có thể) kêu gọi mọi người làm theo mình để giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Đó là những lợi ích trước mắt và thiết thực nhất cho mỗi HS.

2.2.1. Nội dung giáo dục thiên tai

Nội GDDT gồm có kiến thức về các loại thiên tai, kiến thức phòng tránh thiên tai. Cụ thể hơn, HS cần nắm được:

- Bản chất cơ chế hình thành, hoạt động của các loại thiên tai và những biểu

hiện của chúng trên phạm vi toàn cầu, ở Việt Nam và ở địa phương mình.

- Những hậu quả, ảnh hưởng của thiên tai đến con người (đã xảy ra và có thể sẽ xảy ra) trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

- Những tác động của con người trong quá khứ và hiện tại (khai thác tài nguyên, hoạt động sản xuất, đời sống sinh hoạt...) làm tăng nguy cơ xảy ra thiên tai.

2.2.2. Nội dung tích hợp GDTT

Vấn đề GDTT cho HS ở các bậc học hiện nay là rất cần thiết và quan trọng trong việc giáo dục HS trở thành những công dân có ích, những người có trách nhiệm và có ý thức phòng tránh thiên tai.

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau trong việc giáo dục về thiên tai. Một trong những phương pháp có hiệu quả là dạy học tích hợp, lồng ghép vào các môn học. Sau đó, GV chú ý triển khai các hoạt động củng cố ở nhiều hình thức khác nhau giúp HS có cơ hội luyện tập trong thực tiễn để hiểu rõ những kiến thức đã học. Vì vậy, nội dung tích hợp GDTT gồm các vấn đề sau:

- Tích hợp về nội dung kiến thức về thiên tai (kênh hình và kênh chữ),
- Rèn luyện kỹ năng phòng tránh thiên tai,
- Xây dựng thái độ và hành vi ứng xử với cộng đồng khi thiên tai xảy ra. Ví dụ, giúp HS hình thành ý thức phối hợp,

hỗ trợ, tự bảo vệ bản thân khi có thiên tai...

2.2.3. Các mức độ tích hợp GDTT

Có ba mức độ tích hợp GDTT, bao gồm: toàn phần, một phần và liên hệ. Như vậy, nhìn chung hầu hết các môn học đều có khả năng tích hợp GDTT. Tuy nhiên, khả năng và mức độ triển khai GDTT nhiều hay ít, hiệu quả cao hay không còn phụ thuộc vào nội dung của từng môn, của từng bài. Vì vậy, người GV cần xác định mức độ tích hợp phù hợp trong mỗi bài. Đồng thời, GV cần chú ý khai thác một cách hợp lý các cơ hội để thực hiện GDTT, tránh bỏ sót các cơ hội GDTT, cũng như tránh khiến cường hay làm cho việc tiếp nhận nội dung môn học chính của HS thêm nặng nề.

Trong mục 2.3 dưới đây, bài báo sẽ phân tích và phân loại cụ thể các mức độ tích hợp GDTT qua môn địa lí bậc THCS.

2.3. Tích hợp nội dung giáo dục thiên tai qua môn Địa lí ở trung học cơ sở

2.3.1. Nội dung tích hợp GDTT qua môn Địa lí bậc THCS

Nội dung GDTT có thể tích hợp thông qua các môn học khác nhau như: Vật lí, Hóa học, Địa lí, Giáo dục công dân... Tuy nhiên, GDTT qua môn Địa lí được xem là có nhiều lợi thế vì nội dung bài học đã chứa đựng kiến thức về thiên tai, và đặc biệt, chương trình Địa lí bậc THCS rất có ưu thế khi mà rất nhiều bài học trong sách giáo khoa có nội dung liên quan đến thiên tai (xem bảng 1).

Bảng 1. Nội dung và mức độ tích hợp GDĐT qua môn Địa lí THCS

Lớp	Bài	Tên bài học	Nội dung có thể tích hợp	Mức độ tích hợp
Địa lí 6	12	Tác động của nội lực và ngoại lực trong việc hình thành địa hình bề mặt Trái Đất	Núi lửa, động đất	Toàn phần
	13	Địa hình bề mặt Trái Đất	Núi lửa	Liên hệ
	19	Khí áp và gió trên Trái Đất	Gió nóng	Liên hệ
	20	Hơi nước trong không khí; Mưa	Sương mù, sương muối	Một phần
	23	Sông và hồ	Lũ lụt	Một phần
	24	Biển và đại dương	Bão, sóng thần, El Nino và La Nina	Liên hệ
	26	Đất. Các nhân tố hình thành đất	Đất trượt	Liên hệ
Địa lí 7	6	Môi trường nhiệt đới	Lũ lụt	Liên hệ
	7	Môi trường nhiệt đới gió mùa	Lũ lụt, hạn hán	Liên hệ
	14	Hoạt động nông nghiệp ở đới ôn hòa	Sương mù, mưa đá	Liên hệ
	19	Môi trường hoang mạc	Hạn hán	Liên hệ
	21	Môi trường đới lạnh	Bão tuyết	Liên hệ
	23	Môi trường vùng núi	Lũ quét, đất trượt	Liên hệ
	47	Châu Nam Cực – châu lục lạnh nhất thế giới	Bão tuyết	Một phần
Địa lí 8	48	Thiên nhiên châu Đại Dương	Động đất, núi lửa, sóng thần	Một phần
	3	Sông ngòi và cảnh quan châu Á	Bão, lũ lụt, động đất, núi lửa	Liên hệ
	12	Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á	Lũ lụt, núi lửa, hạn hán	Liên hệ
	19	Địa hình với tác động của nội, ngoại lực	Núi lửa	Một phần
	23	Vị trí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam	Bão, lũ lụt, hạn hán	Liên hệ
	24	Vùng biển Việt Nam	Bão, sóng thần, El Nino, La Nina	Liên hệ
	25	Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam	Động đất	Một phần
	29	Đặc điểm các khu vực địa hình	Lũ lụt	Liên hệ
	31	Đặc điểm khí hậu Việt Nam	Sương mù, mưa tuyết, mưa đá, gió nóng	Liên hệ
	32	Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta	Sương mù, sương muối, bão	Một phần
	33	Đặc điểm sông ngòi Việt Nam	Lũ lụt	Toàn phần
	34	Các hệ thống sông lớn ở nước ta	Lũ lụt	Toàn phần
	36	Đặc điểm đất Việt Nam	Đất trượt	Liên hệ
	41	Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	Bão, lụt, hạn hán, lũ quét, sương muối, sương giá	Một phần
	42	Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	Sương muối, sương giá, sương mù, gió nóng, lũ bùn, lũ quét, trượt đất, hạn hán	Liên hệ

	43	Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ	Hạn hán	Liên hệ
Địa lí 9	7	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp	Bão, gió nóng, sương muối, sương giá, lũ lụt	Liên hệ
	17,18	Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	Lũ quét, lốc, đất trượt, mưa đá	Liên hệ
	20,21	Vùng Đồng bằng sông Hồng	Lũ, bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, hạn	Liên hệ
	23,24	Vùng Bắc Trung Bộ	Lũ, bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, hạn, lũ quét	Liên hệ
	25,26	Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	Bão, lũ lụt, hạn hán	Một phần
	28,29	Vùng Tây Nguyên	Lũ, lũ quét, lốc, trượt đất, hạn	Liên hệ
	32,33	Vùng Đông Nam Bộ	Áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy	Liên hệ
	35,36	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Lũ, hạn, xâm nhập mặn	Một phần
	38,39	Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển-đảo	Bão	Liên hệ

Mức độ tích hợp GDDT được xác định căn cứ vào lượng kiến thức về thiên tai có trong mỗi bài. Trong số 47 bài có khi chỉ có 3 bài có thể tích hợp toàn phần, có rất nhiều bài có thể tích hợp một phần, và phần lớn các bài còn lại có thể tích hợp ở mức độ liên hệ. Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ trình bày 3 ví dụ cụ thể về 3 mức độ tích hợp GDDT, đồng thời phân tích nội dung, phương pháp và phương tiện tích hợp giáo dục trong mỗi giáo án mẫu.

2.3.2. Ví dụ minh họa

Chương trình Địa lí THCS có đề cập rất nhiều loại thiên tai khác nhau. Tuy nhiên, bước đầu, chúng tôi chỉ thiết kế các giáo án tích hợp về bão và lũ lụt, vì đây là hai loại thiên tai rất phổ biến ở Việt Nam.

Ví dụ	Mức độ tích hợp GDDT	Bài tích hợp		Loại thiên tai
1	Toàn phần	Bài 34	Địa lí 8	Lũ lụt
2	Một phần	Bài 26	Địa lí 9	Hạn hán, lũ
3	Liên hệ	Bài 24	Địa lí 8	Bão

Ví dụ 1.

BÀI 34: CÁC HỆ THỐNG SÔNG LỚN Ở NƯỚC TA (Địa lí 8)

1. MỤC TIÊU

a. Kiến thức

- Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, về mùa lũ của sông ngòi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Biết một số hệ thống sông lớn ở nước ta.
- Nêu được những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước sông.

- Tích hợp GDDT ở mức độ toàn phần: lũ lụt.

b. Kỹ năng

- Phân tích bảng số liệu, bảng thống kê về các hệ thống sông lớn ở Việt Nam.
- Vẽ biểu đồ phân bố lưu lượng nước trong năm ở một địa điểm (trạm thủy văn) cụ thể.
- Nhận biết được thiên tai lũ lụt và cách phòng tránh.

c. Thái độ

Có trách nhiệm bảo vệ môi trường nước và các dòng sông để phát triển kinh tế bền vững.

2. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

- Bản đồ địa lí tự nhiên.
- Bảng hệ thống sông lớn ở Việt Nam.
- Hình ảnh chống lũ lụt ở nước ta.
- Sách giáo khoa.

3. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

a. Kiểm tra bài cũ

- Vì sao sông ngòi nước ta lại có hai mùa nước khác nhau rõ rệt?

- Có những nguyên nhân nào làm cho nước sông bị ô nhiễm? Liên hệ ở địa phương em.

b. Bài mới

Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc và chia thành nhiều hệ thống. Mỗi hệ thống sông có hình dạng và chế độ nước khác nhau tùy thuộc điều kiện địa lí tự nhiên của lưu vực như khí hậu, địa hình, địa chất... và các hoạt động kinh tế, thủy lợi trong hệ thống ấy. Hôm nay chúng ta tìm hiểu bài học.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS					NỘI DUNG	TÍCH HỢP GDTT																									
<p>Hoạt động 1: Hoạt động cả lớp</p> <p>- Sử dụng bản đồ tự nhiên Việt Nam: Đọc tên và xác định vị trí các sông lớn của Việt Nam? Có nhận xét gì về mạng lưới sông ngòi ở nước ta?</p> <p>- Sử dụng bảng: Hệ thống các sông lớn (được phóng to). HS đọc các thông tin trong bảng.</p> <p>Hoạt động 2: Hoạt động nhóm</p> <p>Phân 4 nhóm, sử dụng phiếu học tập.</p> <p>Phân công nội dung:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Nhóm</th> <th>Vùng</th> <th>Chế độ nước</th> <th>Tên sông chính</th> <th>Giá trị</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Bắc Bộ</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trung Bộ</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Nam Bộ</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4</td> <td colspan="4">Quan sát, ghi chép phần trình bày của 3 nhóm, so sánh tình trạng lũ lụt ở 3 vùng.</td> </tr> </tbody> </table> <p>Câu hỏi gợi ý</p> <p>* Nhóm 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sông ngòi Bắc Bộ có chế độ nước như thế nào? - Mùa lũ vào tháng nào trong năm? - Nêu tên các hệ thống sông chính ở Bắc Bộ. - Giá trị của sông. <p>* Nhóm 2</p>					Nhóm	Vùng	Chế độ nước	Tên sông chính	Giá trị	1	Bắc Bộ				2	Trung Bộ				3	Nam Bộ				4	Quan sát, ghi chép phần trình bày của 3 nhóm, so sánh tình trạng lũ lụt ở 3 vùng.				<p>1. Khái quát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạng lưới sông ngòi Việt Nam dày đặc. - 9 hệ thống lớn chia làm 3 vùng. <p>2. Các hệ thống sông chính</p> <p>a. Sông ngòi Bắc Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ nước theo mùa, thất thường, lũ tập trung nhanh, kéo dài, các sông có dạng nan quạt... - Mùa lũ: Tháng 6-10. - Tiêu biểu: Hệ thống sông Hồng, Thái Bình. <p>b. Sông ngòi Trung Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường ngắn và dốc, lũ muộn do mưa vào thu đông (tháng 9 - 12); lũ lên nhanh, đột ngột, nhất là khi gặp mưa và bão, do địa hình hẹp ngang và dốc. - Tiêu biểu là hệ thống sông Mã, sông Cả, sông Thu Bồn, sông Ba (Đà Nẵng). <p>c. Sông ngòi Nam Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lượng nước lớn, chế độ nước khá điều hoà do địa hình tương đối bằng phẳng, khí hậu điều hòa hơn vùng Bắc Bộ và Bắc 	<p>Nội dung (ND): Bổ sung các kiến thức về lũ lụt, thiệt hại do lũ lụt gây ra.</p> <p>Phương pháp (PP): Thảo luận nhóm: Lũ và cách phòng tránh lũ ở 3 vùng.</p> <p>Phương tiện (PT): Tranh ảnh về lũ lụt, thông tin những thiệt hại về người và của trong một số trận lũ ở 03 vùng.</p>
Nhóm	Vùng	Chế độ nước	Tên sông chính	Giá trị																											
1	Bắc Bộ																														
2	Trung Bộ																														
3	Nam Bộ																														
4	Quan sát, ghi chép phần trình bày của 3 nhóm, so sánh tình trạng lũ lụt ở 3 vùng.																														

<p>- Hãy cho biết sông ngòi miền Trung có độ dốc như thế nào? - Mùa lũ vào tháng nào trong năm? * Nhóm 3 - So với sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ thì sông ngòi Nam Bộ lượng nước và chế độ nước như thế nào? - Ảnh hưởng của thủy triều đến giao thông. - Hãy nêu tên hai hệ thống sông chính ở Nam Bộ. - Hãy xác định hệ thống sông Mê Công trên bản đồ tự nhiên. - Cho biết sông Mê Công chảy qua nước ta có tên chung là gì? - Sông Mê Công đổ ra Biển Đông bằng những cửa nào? * Nhóm 4 Lập bảng so sánh: - Đặc điểm lũ lụt; - Thuận lợi - khó khăn do lũ gây ra; - Những thiệt hại do lũ gây ra trong những năm gần đây; - Và biện pháp chống lũ ở 3 vùng. Hoạt động 3: Hoạt động cá nhân - Vấn đề sống chung với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long có những thuận lợi và khó khăn gì? - Những thiệt hại trong mùa lũ là gì? - Biện pháp khắc phục. - Ý kiến của cá nhân về giải pháp sống chung với lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long. - Giải pháp sống chung với lũ ở vùng Bắc Bộ và Trung Bộ có khả thi không? Vì sao?</p>	<p>Trung Bộ... - Mùa lũ từ tháng 7 đến tháng 11. - Có 2 hệ thống sông lớn là hệ thống sông Mê Công và hệ thống sông Đồng Nai. - Sông Mê Công là hệ thống sông lớn nhất Đông Nam Á, chảy qua nhiều quốc gia. Sông Mê Công đã mang đến cho đất nước ta những nguồn lợi to lớn, sông cũng gây nên những khó khăn không nhỏ vào mùa lũ. 3. Vấn đề sống chung với lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long - Thuận lợi: Cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủy điện, nuôi trồng thủy sản, giao thông vận tải, du lịch... - Khó khăn: Gây ngập lụt trên diện rộng và kéo dài, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và sinh hoạt của dân cư, hư hại nhà cửa, vườn tược... - Nguồn nước sông đang bị ô nhiễm, nhất là sông ở các thành phố, các khu công nghiệp, các khu tập trung dân cư... Nguyên nhân: mất rừng, chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt.</p>	<p>ND: Giải pháp phòng tránh, phòng chống lũ ở mỗi vùng khác nhau. PP: Phát vấn: 1. Cách phòng chống lũ lụt ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có gì khác nhau? 2. Hãy nêu một số phương hướng để sống chung với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long. PT: Tranh ảnh về phòng tránh và phòng chống lũ ở 3 vùng.</p>
---	---	--

- c. Củng cố**
- Xác định trên bản đồ tự nhiên Việt Nam các hệ thống sông lớn ở nước ta?
 - Các thành phố: Hà Nội, TPHCM, Đà Nẵng, Cần Thơ nằm trên bờ những dòng sông nào?
 - Nêu cách phòng chống lũ ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng?

d. Dặn dò

- Học bài
- Chuẩn bị bài: Thực hành

Ví dụ 2.

BÀI 26: VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ (tt) (Địa lí 9)

1. MỤC TIÊU

a. Kiến thức

Trình bày được tình hình phát triển kinh tế và phân bố một số ngành sản xuất chủ yếu.

Nêu được tên các trung tâm kinh tế chính.

Tích hợp GDĐT ở mức độ một phần: lũ, hạn hán.

b. Kỹ năng

Phân tích bản đồ, lược đồ, tự nhiên, kinh tế của vùng.

Nhận biết và phòng tránh thiên tai, lũ, hạn hán.

c. Thái độ

Yêu thiên nhiên quê hương đất nước.

2. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

Lược đồ, tự nhiên, kinh tế duyên hải Nam Trung Bộ.

3. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

a. Kiểm tra bài cũ

Trình bày vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

Trình bày các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.

c. Bài mới

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	NỘI DUNG CHÍNH	TÍCH HỢP GDĐT
<p>HD 1: Tình hình phát triển kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát bảng 26.1 SGK trang 95 + Thế mạnh phát triển kinh tế của vùng. + Vì sao có các thế mạnh đó? (Vùng có nhiều diện tích là địa hình rừng núi. Có đường bờ biển kéo dài, nhiều vũng vịnh). + Vì sao bình quân lương thực của vùng thấp? <p>+ Giải pháp khắc phục.</p> <p>+ Ngoài ngư nghiệp, vùng còn phát triển về các ngành gì? (nghề làm muối, chế biến thủy sản để xuất khẩu: Cà Ná, Sa Huỳnh, Nha Trang, Phan Thiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét: Chốt ý ghi bảng - Quan sát bảng 26.2, trang 97 SGK + Nhận xét sự tăng trưởng giá trị sản xuất 	<p>IV. Tình hình PT kinh tế</p> <p>1. Nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thế mạnh: Chăn nuôi bò, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. - Hạn chế: - Bình quân lương thực theo đầu người thấp 281,5kg (cả nước 463,6kg). - Đất nông nghiệp ít, xấu, hạn hán và lũ thường xuyên. - Giải pháp: Áp dụng khoa học kĩ thuật để tăng sản lượng lương thực, cải tạo đất, trồng rừng phòng hộ, xây dựng các hồ chứa nước. - Ngoài ngư nghiệp, vùng còn có nghề muối, chế biến thủy sản. <p>2. Công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhìn chung phát triển nhanh 	<p>ND: Chống hạn, giảm lũ bằng việc xây dựng các hồ chứa nước (thủy điện, thủy lợi); trữ nước cho mùa khô, hạn chế lũ trong mùa mưa.</p> <p>PP: Phát vấn</p> <p>1. Dựa vào vị trí địa lí, hãy cho biết vùng duyên hải Nam Trung Bộ dễ xảy ra</p>

<p>công nghiệp của vùng so với cả nước. + Các ngành công nghiệp cơ bản của vùng: - Cơ khí, chế biến thực phẩm, chế biến lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng. - Công nghiệp khai khoáng: cát, titan. - Một số nơi có ngành cơ khí sửa chữa, lắp ráp. + Nhận xét về hoạt động giao thông, buôn bán của vùng (Là cầu nối giữa vùng với Tây Nguyên). + Hoạt động du lịch của vùng như thế nào? (Du lịch là thế mạnh của vùng).</p>	<p>nhưng còn chậm so với cả nước. - Cơ cấu các ngành CN khá đa dạng: cơ khí, chế biến thực phẩm, chế biến lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp khai khoáng: cát, titan. - Phân bố: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang. 3. Dịch vụ - Là cầu nối giữa vùng với Tây Nguyên. - Du lịch là thế mạnh của vùng có nhiều bãi tắm đẹp và các quần thể di sản văn hóa: phố cổ Hội An, di tích Mĩ Sơn.</p>	<p>loại thiên tai nào. Giải pháp phòng tránh đối với các thiên tai đó. 2. Tại sao vấn đề bảo vệ và phát triển rừng lại có tầm quan trọng đối với vùng duyên hải Nam Trung Bộ? PT: Tranh ảnh, đoạn phim về các hồ chứa nước, đập thủy điện.</p>
<p>HD 2: Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung + Kể tên các trung tâm kinh tế của vùng (Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang). + Nhận xét vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (Có tác động mạnh mẽ tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng và các vùng Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên).</p>	<p>V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang là trung tâm kinh tế. Có tác động mạnh mẽ tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng và các vùng Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên.</p>	

c. Củng cố

- Cho HS đọc phần ghi nhớ;
- Hướng dẫn bài tập số 2.

d. Dặn dò

- Học bài;
- Chuẩn bị bài: Thực hành.

Ví dụ 3.

BÀI 24: VÙNG BIỂN VIỆT NAM

(Địa lí 8)

1. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần:

a. Kiến thức

- Nắm được đặc điểm tự nhiên của biển Đông.
- Biết được nước ta có nguồn tài nguyên biển phong phú, song không phải là vô tận vì vậy cần khai thác và bảo vệ hợp lí và bảo vệ môi trường biển Việt Nam.

- Biết vùng ven biển nước ta đã bị ô nhiễm, nguyên nhân của sự ô nhiễm đó.

- Tích hợp GDĐT ở mức độ liên hệ: bão.

b. Kỹ năng

- Phân tích những đặc điểm chung và riêng của biển Việt Nam.

- Xác định mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên vùng biển và đất liền, hiểu sâu sắc thiên nhiên Việt Nam mang tính chất bán đảo khá rõ rệt.

- Nhận biết được ô nhiễm các vùng biển của nước ta và nguyên nhân của nó qua tranh ảnh trên thực tế.

- Giáo dục cách phòng tránh bão ở trên biển và ven biển.

c. Thái độ

- Thấy được sự cần thiết bảo vệ chủ quyền trên biển, tài nguyên biển và vấn đề

bảo vệ môi trường vùng biển là rất quan trọng và cấp bách.

- Có nhận thức đúng về vùng biển chủ quyền của Việt Nam.

2. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

Bản đồ biển Đông hoặc khu vực các nước Đông Nam Á.

3. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

a. Kiểm tra bài cũ

- Trình bày đặc điểm của vị trí địa lí về mặt tự nhiên.

- Nêu đặc điểm lãnh thổ của nước ta.

b. Bài mới

Muốn hiểu biết đầy đủ thiên nhiên Việt Nam cần phải nghiên cứu kĩ biển Đông vì biển chiếm $\frac{3}{4}$ lãnh thổ nước ta, tính biển là một nét nổi bật của thiên nhiên Việt Nam. Vai trò của biển Đông ngày càng trở nên quan trọng trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG	TÍCH HỢP GDĐT
<p>Hoạt động 1: <i>Tìm hiểu đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam</i></p> <p>- Xác định trên lược đồ (hình 24.1 – SGK) vị trí, giới hạn của biển Đông, 2 vịnh lớn thuộc Biển Đông.</p> <p>Xác định vị trí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tọa độ địa lí - Tiếp giáp. <p>Từ vị trí vùng biển → thiên tai nào dễ xảy ra?</p> <p>- Diện tích của biển Đông là bao nhiêu? Biển Đông thông với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương qua các eo biển nào?</p> <p>- Phần biển Việt Nam nằm trong biển Đông tiếp giáp với vùng biển của những quốc gia nào?</p> <p>- Khí hậu và hải văn của biển Đông nói chung và biển Việt</p>	<p>1. Đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam</p> <p>a. Diện tích, giới hạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển Đông là biển lớn (diện tích 3,477 triệu km²), nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa (do trải rộng từ xích đạo đến chí tuyến Bắc). - Biển Đông tương đối kín, thông với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương qua các eo biển hẹp. - Vùng biển Việt Nam là một phần của biển Đông, diện tích khoảng 1 triệu km². <p>b. Đặc điểm khí hậu và hải văn của biển</p> <p>* Đặc điểm khí hậu</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chế độ gió:</i> + Từ tháng 10 – 4: Gió đông bắc; + Từ tháng 5 – 9: Gió tây nam; + Riêng vịnh Bắc Bộ: Chủ yếu là gió hướng Nam; + Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền. - <i>Chế độ nhiệt:</i> + Mùa hạ mát hơn và mùa đông ấm hơn đất liền. Biên độ nhiệt trong năm nhỏ; + Nhiệt độ trung bình năm của nước biển tầng mặt là trên 23⁰C. - <i>Chế độ mưa:</i> Lượng mưa trên biển thường ít hơn trên đất liền. <p>* Đặc điểm hải văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dòng biển:</i> + Hướng chảy của dòng biển mùa hạ tương ứng với 	<p>ND:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên tai phổ biến: bão... - Thiệt hại do bão gây ra. - Biện pháp phòng tránh bão: cảnh báo, thông tin kịp thời, chính xác, thành lập đội cứu hộ... <p>PP: Phát vấn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những dấu hiệu nào cho thấy sắp xảy ra bão. 2. Muốn giảm thiểu những thiệt hại do bão gây ra ở vùng

<p>Nam nói riêng có những đặc điểm gì? Tại sao lại có những đặc điểm đó?</p> <p>- Giải thích tại sao gió trên biển mạnh hơn trên đất liền, biên độ nhiệt, mưa ít hơn trên đất liền.</p> <p>Hoạt động 2. Tìm hiểu tài nguyên và bảo vệ môi trường biển Việt Nam</p> <p>- Kể tên một số loại tài nguyên biển Việt Nam và cho biết chúng là cơ sở để phát triển những ngành kinh tế nào.</p> <p>- Nêu thực trạng môi trường biển hiện nay.</p> <p>- Muốn khai thác lâu bền và bảo vệ tốt môi trường biển Việt Nam chúng ta cần phải làm gì?</p>	<p>hướng gió mùa mùa hạ; + Hướng chảy của dòng biển mùa đông tương ứng với hướng gió mùa mùa đông.</p> <p>- <i>Chế độ triều</i>: Có nhiều chế độ triều, vịnh Bắc Bộ có chế độ nhật triều.</p> <p>2. Tài nguyên và bảo vệ môi trường biển Việt Nam</p> <p>a. Tài nguyên biển</p> <p>- Phong phú, đa dạng, có giá trị về nhiều mặt nhưng không phải là vô tận.</p> <p>- Tài nguyên khoáng sản: dầu mỏ và khí tự nhiên, muối... → Khai thác khoáng sản biển.</p> <p>- Nguồn lợi sinh vật biển: cá, tôm, cua... → Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Bờ biển có nhiều vũng, vịnh, mặt nước biển... → Giao thông vận tải biển.</p> <p>- Các bãi biển, các cảnh quan thiên nhiên đẹp... → Du lịch biển.</p> <p>b. Môi trường biển</p> <p>- Hiện nay môi trường biển còn khá trong lành, tuy nhiên một số vùng biển ven bờ đã bị ô nhiễm.</p> <p>- Nguồn lợi hải sản cũng có chiều hướng giảm sút. → Phải khai thác hợp lý tài nguyên biển; không xả các chất thải chưa qua xử lý xuống biển.</p>	<p>biển và ven biển, chúng ta cần làm gì?</p> <p>PT: Thông tin, tranh ảnh, phim về các trận bão lớn gần đây: Chanchu, Sangsan. (ngư dân, khách du lịch, người dân vùng ven biển).</p>
---	--	--

c. Củng cố

HS hoàn thành phiếu học tập sau:

ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU CỦA BIỂN VIỆT NAM

YẾU TỐ	ĐẶC ĐIỂM
Chế độ gió	
Chế độ nhiệt	
Chế độ mưa	

d. Dặn dò

- Học bài
- Trả lời câu hỏi SGK.

3. Kết luận

Bài báo này bước đầu thiết kế một số giáo án tích hợp GDDT vào môn Địa lí bậc THCS với mong muốn đóng góp vào công tác xây dựng tài liệu, tư liệu GDDT ở Việt Nam. Những giáo án mẫu minh họa trong bài báo cho thấy việc tích hợp kiến thức GDDT cũng không làm khối lượng kiến thức trong bài giảng thêm nặng nề hay dài hơn. Vì vậy, tuy chưa tiến hành thực nghiệm các giáo án mẫu này nhưng chúng tôi nghĩ rằng việc tích

hợp GDDT cũng sẽ không dẫn đến tình trạng quá tải. Điều quan trọng là GV cần quán triệt tinh thần tích hợp và sẵn lòng thực hiện. Để làm điều này, chắc chắn GV sẽ vất vả hơn, sẽ phải đầu tư nhiều hơn để chuẩn bị cho giờ giảng. Mức độ hợp tác của GV cũng chính là sự bản khoăn của chúng tôi khi thực hiện nghiên cứu này; vì vậy, cần tiến hành khảo sát để đánh giá được mức độ khả thi của việc đưa các giáo án tích hợp này vào giảng dạy chính thức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Địa lí 6 - 12*, Nxb Giáo dục.
2. Phạm Thị Bình (2009-2011), *Xây dựng tình huống giả định để giáo dục ý thức phòng tránh thiên tai cho học sinh trung học phổ thông qua môn Địa lí*, Đề tài khoa học công nghệ cấp Trường, mã số CS.2010.19.79.
3. Nguyễn Hữu Danh (2008), *Tìm hiểu thiên tai trên Trái Đất*, Nxb Giáo dục.
4. <http://www.ioer.edu.vn/component/k2/item/269>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-7-2013; ngày phản biện đánh giá: 25-7-2013;
ngày chấp nhận đăng: 17-6-2014)